

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 9 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Hoàn

Bà Phạm Hoàng Dung

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tý - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị **T**; sinh năm: 1987; nơi cư trú: **Khu 1**, thị trấn **TH**, huyện **TH**, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng **P**; sinh năm: 1970; nơi cư trú: Phố **L** (nay là Đường **P**), thị trấn **N**, huyện **N**, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt chị **T**, vắng mặt anh **P**. Anh **P** vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị **T** trình bày: Chị và anh Nguyễn Trọng **P** kết hôn tự nguyện, đã tổ chức lễ cưới hỏi theo **PH** tục địa **P** từ năm 2007, nhưng mãi đến ngày 02/3/2011 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị trấn **N**, huyện **N**, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Ngoài ra, anh **P** không chịu tu chí làm ăn, ham chơi lô đề, cờ

bạc, khiến kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng vẫn không được. Không chịu được cuộc sống như vậy, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng chị đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh **P**.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Nam **PH**, sinh ngày 10/3/2007. Hiện cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **PH**, không yêu cầu anh **P** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị **T** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập họp lệ anh Nguyễn Trọng **P** để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị **T** nhưng anh **P** không có mặt nên không có lời khai của anh **P** và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị **T** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh **P** không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Trần Thị **T** được ly hôn anh Nguyễn Trọng **P**. Giao cháu Nguyễn Trần Nam **PH**, sinh ngày 10/3/2007 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **P** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Nguyễn Trọng **P** không có mặt nên Toà án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **P** theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh **P** đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh **P** đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập họp lệ anh **P** lần thứ hai đến Toà án để tham gia phiên tòa nhưng anh **P** vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh **P**.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị **T** và anh Nguyễn Trọng **P** kết hôn trên cơ sở

tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2011 tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh P lên làm việc để anh P được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh P đều không có mặt, thể hiện anh P không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị T, anh P đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn anh P.

[3] Về con cái: Chị T và anh P có 01 con chung. Xét thấy, hiện tại cháu đang ở với chị T. Cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu, cũng như theo nguyện vọng của cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu PH cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị T, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị T không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Trọng P.

2. Về con cái: Giao cháu Nguyễn Trần Nam PH, sinh ngày 10/3/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh P có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, theo biên lai số AA/2019/0011891 ngày 20/5/2020. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T, vắng mặt anh P. Chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND TT N;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Đức Hoàn

Phạm Hoàng Dung

Nguyễn Thanh Tân

